

Bản án số: 09/2019/DS- ST

Ngày: 16/8/2019

“ *V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam và ông Đỗ Trung Tuân

***-Thư ký phiên Tòa:*** Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 09/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 09/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D, cùng địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Bình, Bà D ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 19/01/2019, ông Đ có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng anh Đỗ Xuân S, chị Hoàng Thị H, cùng địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2018, bản tự khai ngày 25/02/2019 và biên bản hòa giải ngày 19/4/2019 cũng như tại phiên tòa, ông Lê Đại Đ đại diện cho vợ chồng ông trình bày: Vợ chồng anh Đỗ Xuân S, chị Hoàng Thị H có vay tiền của vợ chồng ông với tổng số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, không thời hạn, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 01/12/2015, vay 30.000.000 đồng

Lần thứ hai: Ngày 12/7/2016, vay 10.000.000 đồng

Lần thứ ba: Ngày 31/8/2016, vay 40.000.000 đồng.

Ngày 11/4/2017, anh Đỗ Xuân S có trả tiền gốc vay cho vợ chồng ông 24.000.000 đồng. Đến ngày 22/10/2017, ông đã gửi giấy yêu cầu anh S, chị H trả nợ chậm nhất là đến ngày 31/11/2017 là phải trả đầy đủ hết nợ gốc vay và tiền lãi trên số nợ gốc vay kể từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/11/2017 là 73.000.000 đồng. Anh S, chị H đã nhận giấy và chấp nhận trả nợ đầy đủ nhưng nhiều lần ông đến đốc thúc trả nợ mà anh S, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Hiện nay, vợ chồng ông yêu cầu anh S, chị H trả cho vợ chồng ông số tiền gốc vay còn lại là 56.000.000 đồng và liền lãi trên toàn bộ số tiền vay kể từ khi vay lần đầu (01/12/2015) đến ngày xét xử với lãi suất theo Bộ luật dân sự năm 2015 quy định 20%/năm, lãi quá hạn bằng 150%/năm của lãi trong hạn kể từ ngày 01/12/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2019 là 50.400.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 106.400.000 đồng (theo bảng tính lãi ông Đ viết tay nộp tại phiên tòa) và buộc anh S chị H trả lãi tiếp theo kể từ sau ngày tuyên án cho đến khi trả hết khoản tiền gốc còn lại.

Bị đơn anh Đỗ Xuân S, chị Hoàng Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày qua bản tự khai ngày 19/4/2019, ngày 31/5/2019 và biên bản hòa giải ngày 19/4/2019 thống nhất với nội dung: Anh, chị đều thừa nhận có vay tiền của ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D qua 3 lần như ông Đ trình bày, mục đích vay để vợ chồng lo công việc gia đình, sau khi vay, vợ chồng anh, chị đã thực hiện trả lãi hàng tháng đều đặn cho ông Đ như đã cam kết trong giấy vay. Đến ngày 11/4/2017, anh S đưa đến trả cho ông Đ bà D 36.000.000 đồng và cảm thấy lãi suất thỏa thuận khi vay là quá cao nên anh có xin ông Đ giảm lãi xuống và xin ông trừ 6.000.000 đồng vào tiền lãi còn 30.000.000 đồng trừ vào tiền gốc cho vợ chồng anh nhưng ông Đ không nhất trí, ông nói "khi nào trả đầy đủ rồi ông tính". Số tiền 36.000.000 đồng, ông Đ đã trừ tiền lãi 12.000.000 đồng và tiền gốc 24.000.000 đồng. Số tiền gốc còn lại ông Đ kê là 56.000.000 đồng. Theo vợ chồng anh thực chất chỉ còn 50.000.000 đồng tiền gốc mới đúng. Vợ chồng anh xin ông Đ và Tòa án xem xét giảm lãi suất vay theo lãi suất cho vay của Nhà nước quy định là 0,85%/tháng và cho anh thêm một thời gian nữa để có điều kiện xoay xở trả nợ cho ông Đ.

Ông Đ thay mặt cho vợ chồng ông, không nhất trí đề nghị của anh S, chị H mà yêu cầu Tòa án xử buộc anh S, chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông tiền gốc và lãi như đã kê khai ở trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bị đơn vợ chồng anh Đỗ Xuân S, chị Hoàng Thị H được Tòa án thông đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà D là buộc vợ chồng anh S, chị H trả đủ nợ gốc còn lại 56.000.000 đồng và nợ lãi của số tiền gốc vay với mức lãi 20%/năm từ khi vay lần đầu cho đến ngày ông chốt trong giấy đòi nợ gửi cho anh S, chị H là ngày 31/11/2017; lãi quá hạn tính bằng 150% lãi trong hạn kể từ ngày 01/12/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục chịu lãi từ ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ gốc, tổng toàn bộ là 106.400.000 đồng, trong đó nợ gốc: 56.000.000 đồng, nợ lãi 50.400.000 đồng.

Theo lời trình bày của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Vợ chồng anh S, chị H có vay tiền của vợ chồng ông Đ, bà D 3 lần với tổng số tiền vay 80.000.000 đồng. Cả 3 lần vay hai bên đều thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, không kỳ hạn. Anh S thay mặt vợ chồng anh ký giấy vay cả 3 lần và đều có cam kết "Tôi cam kết trả nợ gốc vay và lãi vay đầy đủ, sai tôi xin chịu trách nhiệm". Đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi. Hai bên đang thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn mới trả 24.000.000 đồng tiền gốc, lãi chưa trả được đồng nào. Bị đơn cho rằng: Sau khi vay đã thực hiện trả lãi hàng tháng và đến ngày 11/4/2017, anh S, chị H trả cho ông Đ 36.000.000 đồng và xin trừ vào tiền gốc 30.000.000 đồng và trừ vào lãi 6.000.000 đồng nhưng ông Đ không nhất trí và đã trừ tiền lãi 12.000.000 đồng, trừ tiền gốc 24.000.000 đồng. Nhiều lần Tòa án yêu cầu nhưng anh S, chị H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc mình đã trả lãi hàng tháng và trả 36.000.000 đồng cho ông Đ. Ông Đ xác định ngày 11/4/2017 anh S đưa tiền vào trả cho ông 24.000.000 đồng xin trừ vào tiền gốc, ông chấp nhận trừ vào tiền gốc vay. Như vậy, có căn cứ xác định anh S trả tiền gốc vay 24.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Về yêu cầu tính lãi của ông Đ, Hội đồng xét xử thấy: Mức lãi mà hai bên thỏa thuận tại giấy vay của cả 3 lần là 2,5%/tháng, trong quá trình hòa giải, anh S xin ông Đ và Tòa án giảm lãi xuống như lãi vay Ngân hàng tại thời điểm hiện tại là 0,85%/tháng nhưng ông Đ không chấp nhận, mà ông chỉ chấp nhận giảm lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Đây là hợp đồng vay tiền giữa ông Đ và anh S thực hiện lần đầu vào ngày 01/12/2015 và lần cuối cùng ngày 31/8/2016 là thời điểm đang áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015 đến ngày 01/01/2017 mới có hiệu lực pháp luật, đồng thời nội dung của hợp đồng vay qua các lần không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc tính lãi theo Bộ luật Dân sự năm 2015 mà cần áp dụng theo Bộ luật Dân sự năm 2005 là phù hợp;

Về lãi quá hạn, ông Đ yêu cầu tính theo giấy yêu cầu trả nợ mà ông gửi cho anh S qua đường Bưu điện và ông cho rằng anh S đã nhận được giấy mà không có phản đối gì mặc nhiên chấp nhận việc trả nợ gốc và lãi toàn bộ cho ông đến hạn cuối cùng là ngày 31/11/2017(theo giấy đòi nợ), hết thời hạn đó mà không trả thì tính lãi quá hạn kể từ ngày 01/12/2017. Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy có giấy đòi nợ của ông Đ gửi qua đường bưu điện cho anh S nhưng theo vận đơn của Bưu điện không có chữ ký của anh S, chị H tại ô người nhận, đồng thời trong giấy đòi nợ không ghi lãi quá hạn, trong các giấy vay tiền cũng không ghi tính lãi quá hạn nên không có căn cứ chấp nhận tính lãi quá hạn.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đ, bà D để buộc anh S, chị H phải trả nợ gốc vay còn lại cho vợ chồng ông Đ là 56.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc vay qua các lần được tính với mức lãi suất

không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định 9%/năm. Cụ thể anh S, chị H phải trả cho ông Đ, bà D số tiền: 83.978.000 đồng, trong đó nợ gốc: 56.000.000 đồng; nợ lãi: 27.978.000 đồng theo mức lãi suất 13,5%/ năm, cụ thể:

Từ ngày 01/12/2015 đến 11/7/2016 là 224 ngày, số tiền gốc: 30.000.000 đồng, lãi 13,5%/năm = 2.520.000 đồng;

Từ ngày 12/7/2016 đến 30/8/2016 là 50 ngày, số tiền gốc: 40.000.000 đồng, lãi 13,5%/năm = 750.000 đồng;

Từ ngày 31/8/2016 đến 10/4/2017 là 223 ngày, số tiền gốc: 80.000.000 đồng, lãi 13,5%/năm = 6.690.000 đồng;

Từ ngày 11/4/2017 đến 16/8/2019 là 858 ngày, số tiền gốc 56.000.000 đồng, lãi 13,5%/năm = 18.018.000 đồng.

Phần lãi ông Đ, bà D yêu cầu không phù hợp nên không chấp nhận là 22.422.000 đồng.

Về án phí: Phần yêu cầu của nguyên đơn ông Đ, bà D được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí của phần không chấp nhận miễn cho ông Đ, bà D theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 vì ông, bà thuộc diện người cao tuổi. Số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp được hoàn trả. Bị đơn anh Đỗ Xuân S và chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn ông Đ, bà D theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D, buộc vợ chồng anh Đỗ Xuân S, chị Hoàng Thị H phải trả cho ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D số tiền: 83.978.000 đồng, trong đó nợ gốc 56.000.000 đồng; nợ lãi 27.978.000 đồng.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (16/8/2019) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất 150% của lãi suất cơ bản (9%/năm) do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà D về tiền lãi là 22.422.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm b, 1.3 mục 1 phần II danh mục án phí lệ phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

ngày 30/12/2016. Anh Đỗ Xuân S và chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.198.900 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; trả lại cho ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí 2.175.000 đồng(ông Đ đã nộp) theo biên lai số: 0001919 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 16/8/2019, bị đơn anh Đỗ Xuân S, chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án tổng đạt hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND t.Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HS; VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Thị Nhàn**